

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam.

Bệnh viện Phổi tỉnh Quảng Trị có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Thuê Phần mềm quản lý bệnh viện (HIS) của Bệnh viện Phổi tỉnh Quảng Trị với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phổi tỉnh Quảng Trị.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Cán bộ phòng TC-TC: Trần Thị Minh Thúy, SĐT: 0917094115.
 - Cán bộ công nghệ thông tin: Hoàng Ngọc Thảo, SĐT: 0911728666.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp qua địa chỉ: Bệnh viện Phổi tỉnh Quảng Trị, Phường Nam Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị.
 - Nhận qua Email (bản Scan có dấu) địa chỉ: thaohoang.dh@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá:
Từ ngày 12/5/2025 đến trước 17 h ngày 25/5/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 24/5/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá gói thầu: Thuê Phần mềm quản lý bệnh viện (HIS) của Bệnh viện Phổi tỉnh Quảng Trị, Nội dung danh mục dịch vụ chi tiết như sau:

| TT | Danh mục dịch vụ | Quy mô | Đvt | Số lượng | Ghi chú |
|-----------|---|---|------------|-----------------|----------------|
| 1 | Phần mềm Hệ thống thông tin bệnh viện – HIS: | 75 giường kế hoạch - 81 thực kê | Tháng | 12 | |
| 2 | Phần mềm Hệ thống quản lý xét nghiệm – LIS | 04 máy | Tháng | 12 | |
| 3 | Phần mềm Hệ thống quản lý chẩn đoán hình ảnh - RIS/PACS | 700 đến 1.100 ca chụp | Tháng | 12 | |
| 4 | Phần mềm bệnh án điện tử - EMR | 400 hồ sơ, 150 bệnh án (bao gồm bệnh án nội trú và bệnh án ngoại trú) | Tháng | 12 | |

| TT | Danh mục dịch vụ | Quy mô | Đvt | Số lượng | Ghi chú |
|----|---|----------------------------|-------|----------|---------|
| 5 | Ứng dụng di động dành cho Bác sĩ, Bệnh nhân | 15 bác sĩ, 4.000 bệnh nhân | Tháng | 12 | |

2. Các yêu cầu kỹ thuật của phần mềm: Được mô tả chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm.

III. Yêu cầu khác:

Phần mềm Quản lý bệnh viện phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phải kết nối được với các máy xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng (hiện có).
- Phải kế thừa được dữ liệu từ hệ thống cũ sang hệ thống mới.
- Phải kết nối chữ ký số Smart CA, hóa đơn điện tử, thanh toán không tiền mặt với ngân hàng, tích hợp Kiosk.
- Đã triển khai ≥ 1 hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện ở bệnh viện đa khoa được công bố bệnh án điện tử trên website <https://benhandientu.moh.gov.vn/> của Bộ Y tế.
- Thực hiện cấu hình hệ thống, hướng dẫn sử dụng, chạy thử, bảo hành.
- Giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí cài đặt, hướng dẫn sử dụng, chi phí trọn gói để thực hiện tại Bệnh viện phổi tỉnh Quảng Trị bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

Bệnh viện Phổi tỉnh Quảng Trị kính đề nghị các nhà cung cấp phần mềm tại Việt Nam quan tâm, nghiên cứu và gửi báo giá cho chúng tôi theo thời quy định. *Mẫu báo giá theo phụ lục 02 gửi kèm./.*

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Các nhà cung cấp;
- Webside Bệnh viện;
- Lưu: VT, TC-TC. *vt*

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Nghĩa



PHỤ LỤC 01: YÊU CẦU KỸ THUẬT

Nhà cung cấp dịch vụ phần mềm phải có tài liệu đề xuất và cam kết đáp ứng toàn bộ các nội dung sau:

1. Yêu cầu chung

1.1 Quy mô

Thuê dịch vụ phần mềm trong thời gian 12 tháng trọn gói: Bao gồm các phần mềm sau:

| STT | Danh mục dịch vụ | Quy mô | Ghi chú |
|-----|--|---|---------|
| 1 | Phần mềm Hệ thống thông tin bệnh viện (HIS) | 75 giường kế hoạch - 81 thực kê | |
| 2 | Phần mềm Hệ thống quản lý xét nghiệm (LIS) | 04 máy | |
| 3 | Phần mềm Hệ thống quản lý chẩn đoán hình ảnh (RIS/PACS) | 700 đến 1.100 ca chụp/tháng | |
| 4 | Phần mềm bệnh án điện tử (EMR) | 400 hồ sơ, 150 bệnh án (bao gồm bệnh án nội trú và bệnh án ngoại trú) | |
| 5 | Ứng dụng di động dành cho Bác sĩ, Bệnh nhân (App Android, IOS) | 15 bác sĩ, 4.000 bệnh nhân | |

1.2 Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật

- Đảm bảo các yêu cầu, tính năng kỹ thuật; các yêu cầu chức năng phù hợp và thuận tiện đối với người sử dụng; đảm bảo an toàn thông tin.

- Hệ thống phần mềm được thiết kế, triển khai đảm bảo tuân thủ danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước theo Thông tư 39/2017 ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông và các tiêu chuẩn kỹ thuật khác do các cơ quan có thẩm quyền quy định

- Thông tư số: 46/2018/TT-BYT ngày 28 /12/2018 của Bộ Y tế quy định hồ sơ bệnh án điện tử;

- Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế ban hành bộ tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ở mức độ 6;

- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Quyết định số 4210/QĐ-BYT ngày 20/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về

việc quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra sử dụng trong quản lý, giám định và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế;

- Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa và giải quyết các chế độ liên quan áp dụng từ 01/9/2023;

- Quyết định số 3176/QĐ-BYT ngày 29/10/2024 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 4750/QĐ-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ việc quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và giải quyết các chế độ liên quan;

- Quyết định số 449/QĐ-CNTT ngày 30/12/2019 của Cục Công nghệ thông tin Bộ Y tế về ban hành tài liệu hướng dẫn kết nối giữa các phần mềm của ngân hàng, đơn vị trung gian thanh toán với phần mềm quản lý bệnh viện HIS- trong thanh toán chi phí dịch vụ y tế không dùng tiền mặt;

- Công văn số 874/BYT-KCB ngày 23/2/2023 của Bộ Y tế Hướng dẫn cập nhật và chuyển dữ liệu giấy khám sức khỏe lái xe lên cổng giám định bảo hiểm;

- Công văn số 1156/BYT-KCB ngày 7/3/2023 về việc Liên thông dữ liệu Giấy chứng sinh, giấy báo tử lên cổng giám định BHYT triển khai đề án 06.

- Cơ sở dữ liệu tập trung đặt tại trung tâm dữ liệu của nhà cung cấp dịch vụ, Thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình thuê dịch vụ là tài sản thuộc sở hữu của bên thuê.

- Đảm bảo An toàn bảo mật, kiểm soát truy cập hệ thống thông qua xác thực đăng nhập và quyền truy cập ứng dụng.

- Theo dõi hệ thống: Các truy cập hệ thống, thay đổi tác động vào các chức năng ảnh hưởng đến công tác khám chữa bệnh đều được ghi lại để kiểm tra.

2. Yêu cầu về Giải pháp kỹ thuật phần mềm

Phần mềm phải đáp ứng các yêu cầu về cấu hình, đặc tính, thông số kỹ thuật và các yêu cầu khác như quy định dưới đây và là mức yêu cầu tối thiểu phải đạt hoặc chấp nhận được.

2.1 Yêu cầu về kiến trúc, mô hình triển khai phần mềm

- Phần mềm được xây dựng trên nền tảng Web application, có khả năng chạy trên tất cả các máy trạm có trình duyệt Web thông qua môi trường mạng Internet; phần mềm chạy được trên các thiết bị di động phổ biến như điện thoại di động, máy tính bảng, máy tính xách tay; phần mềm có các cơ chế bảo mật đường truyền như SSL, TLS,

- Hệ thống phải tuân thủ tối đa các chuẩn về công nghệ, về cấu trúc thông

tin, trao đổi thông tin... để đảm bảo khả năng tích hợp cao giữa các phân hệ, cũng như khả năng tương tác với các hệ thống khác.

- Hệ thống phải có khả năng mở rộng về quy mô và nâng cấp các dịch vụ mới một cách dễ dàng mà không làm thay đổi kiến trúc. Điều này nhằm bảo đảm vốn đầu tư hiệu quả, đảm bảo khả năng nâng cấp mà không phải đầu tư lại toàn bộ từ đầu.

- Có tính kế thừa, tương thích với nền tảng công nghệ, tính kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan đang được sử dụng tại đơn vị.

2.2 Các vấn đề cần chú ý với phương án kỹ thuật, công nghệ

- Có tính kế thừa, tương thích với nền tảng công nghệ, tính kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan đang được sử dụng tại đơn vị.

- Hệ thống được xây dựng với khả năng phân quyền để sử dụng chức năng và dữ liệu một cách linh hoạt nhất.

- Có thể kết nối khai thác dữ liệu hoặc chia sẻ dữ liệu với các hệ thống khác.

- Giải pháp cung cấp đầy đủ và toàn diện các chức năng chính. Các chức năng hoạt động trên 01 kiến trúc đồng bộ và đã được khẳng định qua các dự án đã triển khai trong thực tiễn.

- Giải pháp kỹ thuật được cập nhật liên tục các phiên bản được nhà cung cấp chủ động nâng cấp theo chuẩn mực quốc tế, hỗ trợ nâng cấp và vá lỗi khi có vấn đề xảy ra.

3. Yêu cầu về chức năng của phần mềm

Phần mềm quản lý khám chữa bệnh phải đảm bảo tính pháp lý về quy trình, nghiệp vụ quy định và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

3.1 Yêu cầu chức năng phần mềm

3.1.1 Yêu cầu chức năng phần mềm Hệ thống thông tin bệnh viện (HIS):

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|------------|---|
| I.1 | Quản trị hệ thống (Quản lý người dùng, quản lý cấu hình) |
| I.1.1 | Đăng nhập |
| I.1.2 | Trang chủ |
| I.1.3 | Đăng xuất |
| I.1.4 | Thiết lập Khoa/Phòng |
| I.1.5 | Đổi mật khẩu |
| I.1.6 | Quản lý khoa |
| I.1.7 | Quản lý phòng |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|------------|---------------------------------------|
| I.1.8 | Quản lý nhân viên |
| I.1.9 | Quản lý người dùng |
| I.1.10 | Danh mục cấu hình |
| I.1.11 | Thêm mới cấu hình nhân viên |
| I.1.12 | Danh mục cấu hình nhân viên |
| I.1.13 | Hệ thống menu |
| I.1.14 | Phân quyền chức năng menu |
| I.1.15 | Quyền dữ liệu phòng, kho |
| I.1.16 | Phân quyền dữ liệu người dùng |
| I.1.17 | Phân quyền báo cáo |
| I.1.18 | Phân dịch vụ kỹ thuật theo khoa phòng |
| I.2 | Quản lý danh mục dùng chung |
| I.2.1 | Danh mục quản lý địa danh |
| I.2.2 | Danh mục bệnh viện |
| I.2.3 | Danh mục loại bệnh ICD |
| I.2.4 | Danh mục đối tượng BHYT |
| I.2.5 | Danh mục thông báo |
| I.2.6 | Danh mục dân tộc |
| I.2.7 | Danh mục mã nhóm dịch vụ |
| I.2.8 | Danh mục khám bệnh |
| I.2.9 | Danh mục Xét nghiệm |
| I.2.10 | Danh mục thực hiện xét nghiệm |
| I.2.11 | Danh mục chuẩn đoán hình ảnh |
| I.2.12 | Danh mục mẫu kết quả thực hiện |
| I.2.13 | Danh mục phẫu thuật thủ thuật |
| I.2.14 | Danh mục Suất ăn |
| I.2.15 | Danh mục vận chuyển |
| I.2.16 | Danh mục giá xăng |
| I.2.17 | Danh mục ngày giường |
| I.2.18 | Danh mục phụ thu |
| I.2.19 | Danh mục thu khác |
| I.2.20 | Cấu hình dịch vụ cận lâm sàng |
| I.2.21 | Danh mục khoa bác sĩ |
| I.2.22 | Danh mục loại nhóm DV |
| I.2.23 | Danh mục nhóm dịch vụ |
| I.2.24 | Danh mục Loại Bệnh án |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|------------|--|
| I.2.25 | Danh mục mã máy |
| I.2.26 | Danh mục dịch vụ mã máy |
| I.2.27 | Danh mục kho |
| I.2.28 | Danh mục loại thuốc vật tư |
| I.2.29 | Danh mục nhà cung cấp |
| I.2.30 | Danh mục hoạt chất |
| I.2.31 | Danh mục biệt dược |
| I.2.32 | Danh mục đường dùng |
| I.2.33 | Danh mục nước sản xuất |
| I.2.34 | Danh mục hãng sản xuất |
| I.2.35 | Danh mục thuốc vật tư |
| I.2.36 | Quản lý kho- thuốc |
| I.2.37 | Hội đồng kiểm nhập |
| I.2.38 | Không check dịch vụ chưa thực hiện khi kết thúc hoặc hoàn thành bệnh án |
| I.2.39 | Chức năng tự động chuyển đổi dịch vụ sang các nhóm dịch vụ khác |
| I.2.40 | Chức năng cấu hình tự động tách phiếu chỉ định theo dịch vụ |
| I.2.41 | Chức năng cấu hình phương pháp vô cảm theo dịch vụ |
| I.2.42 | Chức năng cấu hình thời gian thực hiện cho dịch vụ PTTT |
| I.3 | Tiếp nhận đăng ký khám bệnh, chữa bệnh |
| I.3.1 | Gọi bệnh nhân vào quây tiếp nhận |
| I.3.2 | Tiếp nhận đăng ký khám bệnh cho bệnh nhân |
| I.3.3 | Điều phối bệnh nhân vào các phòng khám (một hoặc nhiều phòng khám đồng thời) |
| I.3.4 | Kết nối đầu đọc Qrcode để đọc thông tin thẻ BHYT, CCCD, VssID... |
| I.3.5 | Quản lý thông tin chuyển tuyến |
| I.3.6 | Nhập thông tin sinh tồn |
| I.3.7 | In ấn |
| I.3.8 | Chỉ định dịch vụ cận lâm sàng |
| I.3.9 | Chỉ định thu khác |
| I.3.10 | Danh sách xét nghiệm |
| I.3.11 | Danh sách chẩn đoán hình ảnh |
| I.3.12 | Danh sách phẫu thuật thủ thuật |
| I.3.13 | Danh sách phiếu thu khác |
| I.3.14 | Danh sách hẹn khám |
| I.3.15 | Quản lý chụp ảnh bệnh nhân |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|------------|---|
| I.3.16 | Cập nhật công khám / phòng khám |
| I.3.17 | Xóa bệnh nhân |
| I.3.18 | In lại phiếu |
| I.3.19 | Kiểm tra lịch sử KCB từ cổng BHYT |
| I.3.20 | Kiểm tra thẻ BH từ cổng BH trong giao diện tiếp nhận |
| I.3.21 | Tự động cập nhật hạn thẻ khi phát hiện sai lệch thông tin trên cổng |
| I.3.22 | Tự động chọn đối tượng bệnh nhân |
| I.3.23 | Lịch sử khám chữa bệnh trong tỉnh |
| I.4 | Quản lý khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú |
| I.4.1 | Quản lý hành chính điều trị ngoại trú |
| I.4.2 | Kết nối màn hình LCD hiển thị danh sách người bệnh chờ khám, người bệnh đã có kết quả CLS |
| I.4.3 | Kết nối phát loa gọi Bệnh nhân vào khám bệnh |
| I.4.4 | Chức năng Hỏi bệnh |
| I.4.5 | Chức năng khai báo dấu hiệu sinh tồn |
| I.4.6 | Tạo phiếu điều trị |
| I.4.7 | Xem lược sử tờ điều trị |
| I.4.8 | Tạo phiếu chăm sóc |
| I.4.9 | Tạo phiếu truyền dịch |
| I.4.10 | Chức năng chỉ định dịch vụ CLS (Xét nghiệm, CĐHA, TDCN), Thủ thuật, các dịch vụ khác |
| I.4.11 | Cảnh báo thông tin chỉ định cận lâm sàng |
| I.4.12 | Chức năng kê đơn thuốc |
| I.4.13 | Chức năng kê đơn vật tư |
| I.4.14 | Quản lý, kê đơn thuốc theo phác đồ điều trị |
| I.4.15 | Quản lý, chỉ định dịch vụ theo phác đồ điều trị |
| I.4.16 | Chức năng xem kết quả CLS (Xét nghiệm, CĐHA, TDCN), thủ thuật trực tiếp tại phòng khám |
| I.4.17 | Chức năng chuyển phòng khám |
| I.4.18 | Chức năng xem hồ sơ bệnh án |
| I.4.19 | Chức năng cảnh báo số tiền tạm ứng không đủ |
| I.4.20 | Chức năng cảnh báo chỉ định trùng dịch vụ |
| I.4.21 | Chức năng cảnh báo thời gian tái sử dụng dịch vụ theo TT35 |
| I.4.22 | Chức năng sử dụng, tạo đơn thuốc mẫu |
| I.4.23 | Chức năng sử dụng, tạo đơn vật tư mẫu |
| I.4.24 | Chức năng sử dụng đơn thuốc cũ |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|------------|--|
| I.4.25 | Chức năng sử dụng đơn vật tư cũ |
| I.4.26 | Chức năng cảnh báo tương tác thuốc theo bảng màu |
| I.4.27 | In phiếu chỉ định dịch vụ CLS (Xét nghiệm, CĐHA, TDCN...), Thủ thuật, các dịch vụ khác |
| I.4.28 | In phiếu kết quả CLS (Xét nghiệm, CĐHA, TDCN), thủ thuật ngay tại phòng khám |
| I.4.29 | In đơn thuốc |
| I.4.30 | In đơn vật tư |
| I.4.31 | Chức năng kết thúc khám: Cấp đơn cho về, cho về, Nhập viện, Chuyển viện, Tử vong, Hẹn khám mới, Hẹn khám tiếp, Khác... |
| I.4.32 | In phiếu khám bệnh vào viện |
| I.4.33 | In phiếu chuyển tuyến |
| I.4.34 | In giấy hẹn khám |
| I.4.35 | In bảng kê thanh toán ra viện theo mẫu biểu 01BV- BHYT |
| I.4.36 | Tích hợp thanh toán trực tiếp tại phòng khám |
| I.4.37 | Cảnh báo bệnh nhân còn thuốc |
| I.4.38 | Cảnh báo Cận lâm sàng chưa hoàn thành khi chỉ định thuốc |
| I.4.39 | Hủy nhập viện |
| I.4.40 | Hủy chuyển phòng khám |
| I.4.41 | Nhập thông tin tai nạn thương tích |
| I.4.42 | Tạo biên bản hội chẩn |
| I.4.43 | Kiểm điểm tử vong |
| I.4.44 | Xem lịch sử liên thông Khám chữa bệnh |
| I.5 | Quản lý dược (vật tư) |
| I.5.1 | Quản lý thuốc vật tư thầu |
| I.5.2 | Chức năng sao chép danh mục thuốc, vật tư |
| I.5.3 | Chức năng liên thông danh mục thuốc, vật tư |
| I.5.4 | Chức năng kiểm tra trùng mã thuốc, vật tư |
| I.5.5 | Chức năng gán danh mục thuốc, vật tư vào kho |
| I.5.6 | Chức năng gán danh mục thuốc, vật tư sử dụng theo khoa |
| I.5.7 | Chức năng gán mặc định loại thanh toán của thuốc, vật tư |
| I.5.8 | Chức năng xem thông tin lược sử cập nhật thuốc, vật tư |
| I.5.9 | Chức năng tương tác thuốc, vật tư với ICD |
| I.5.10 | Danh sách dự trừ gọi thầu |
| I.5.11 | Duyệt danh sách dự trừ gọi thầu |
| I.5.12 | Nhập xuất thuốc từ nhà cung cấp |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|------------|---|
| I.5.13 | Nhập xuất vật tư từ nhà cung cấp |
| I.5.14 | Nhập xuất thuốc từ kho khác |
| I.5.15 | Nhập xuất vật tư từ kho khác |
| I.5.16 | Xuất huỷ thuốc |
| I.5.17 | Xuất huỷ vật tư |
| I.5.18 | Xuất khác thuốc |
| I.5.19 | Xuất khác vật tư |
| I.5.20 | Nhập khác thuốc |
| I.5.21 | Nhập khác vật tư |
| I.5.22 | Duyệt yêu cầu, hoàn trả thuốc cho kho khác |
| I.5.23 | Duyệt yêu cầu, hoàn trả vật tư cho kho khác |
| I.5.24 | Duyệt bổ sung, hoàn trả thuốc tử trực |
| I.5.25 | Duyệt bổ sung, hoàn trả vật tư tử trực |
| I.5.26 | Duyệt yêu cầu điều chỉnh kho |
| I.5.27 | Duyệt yêu cầu điều chỉnh kho vật tư |
| I.5.28 | Duyệt yêu cầu, hoàn trả thuốc bệnh nhân |
| I.5.29 | Duyệt yêu cầu, hoàn trả vật tư bệnh nhân |
| I.5.30 | Duyệt phiếu lĩnh, hoàn trả thuốc nội trú |
| I.5.31 | Duyệt phiếu lĩnh, hoàn trả vật tư nội trú |
| I.5.32 | Duyệt phát thuốc ngoại trú (Duyệt phát thuốc bệnh nhân) |
| I.5.33 | Duyệt phát thuốc nội trú |
| I.5.34 | Quản lý kiểm kê |
| I.5.35 | Nhập bù thuốc |
| I.5.36 | Nhập bù vật tư |
| I.5.37 | Xuất thừa thuốc |
| I.5.38 | Xuất thừa vật tư |
| I.5.39 | Khóa lô thuốc |
| I.5.40 | Tra cứu phiếu nhập xuất, đơn thuốc, phiếu lĩnh |
| I.5.41 | Khóa danh sách kho |
| I.5.42 | Import danh mục thuốc vật tư |
| I.5.43 | Import tồn đầu kỳ |
| I.5.44 | Import tồn đầu kỳ vào nhà thuốc |
| I.5.45 | Tra cứu thuốc vật tư tồn kho |
| I.5.46 | Tra cứu thuốc vật tư nhiều kho |
| I.5.47 | Tra cứu thuốc vật tư tồn kho trực |
| I.5.48 | Tra cứu thuốc vật tư tồn tử trực |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|------------|--|
| I.5.49 | Tra cứu xuất nhập tồn |
| I.5.50 | Tra cứu thẻ kho |
| I.5.51 | Chức năng xem số liệu xuất nhập tồn, tồn kho tuyến dưới |
| I.5.52 | Chức năng duyệt phiếu dự trữ dược, vật tư |
| I.5.53 | Chức năng duyệt phiếu trả dược, vật tư |
| I.5.54 | Chức năng dự trữ dược, vật tư từ các bệnh viện, viện tuyến trên |
| I.5.55 | Chức năng báo cáo thống kê tổng hợp thuốc vật tư cho tuyến dưới |
| I.5.56 | Chức năng báo cáo thống kê tiêu hao khoa phòng |
| I.6 | Quản lý viện phí và thanh toán BHYT |
| I.6.1 | Kết nối đầu đọc barcode. |
| I.6.2 | Chức năng tìm kiếm (theo mã bệnh nhân, theo tên bệnh nhân, theo thẻ BHYT) |
| I.6.3 | Chức năng tạo sổ thu tiền |
| I.6.4 | Chức năng tạo sổ tạm ứng |
| I.6.5 | Chức năng khóa sổ |
| I.6.6 | Chức năng tạo phiếu tạm ứng tiền cho người bệnh. |
| I.6.7 | Chức năng tạo phiếu thu tiền cho người bệnh. |
| I.6.8 | Chức năng tạo phiếu hoàn ứng cho người bệnh. |
| I.6.9 | Chức năng hủy phiếu thu tiền, hủy phiếu tạm ứng. |
| I.6.10 | Chức năng duyệt kế toán |
| I.6.11 | Chức năng hiển thị trạng thái bệnh nhân: (Đã đóng bệnh án, Đã duyệt kế toán, chưa duyệt kế toán) |
| I.6.12 | In phiếu thu tạm ứng. |
| I.6.13 | In biên lai thu tiền. |
| I.6.14 | In hóa đơn từ phần mềm |
| I.6.15 | In phiếu thu tạm ứng |
| I.6.16 | In hóa đơn thu tiền |
| I.6.17 | Xuất XML, kết nối API hóa đơn điện tử |
| I.6.18 | Tích hợp và phát hành trực tiếp HDDT |
| I.6.19 | Chức năng đẩy và phát hành HDDT đồng loạt |
| I.6.20 | Thu tiền bán thuốc |
| I.6.21 | Quản lý số phiếu thu, hóa đơn |
| I.6.22 | Chức năng xem thông tin thanh toán chi tiết |
| I.6.23 | Nhập tiền miễn giảm |
| I.6.24 | Cảnh báo bệnh nhân có tiền miễn giảm khi duyệt kế toán |
| I.6.25 | Danh sách phiếu thu |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|------------|---|
| I.6.26 | Báo cáo doanh thu, chi phí từng khoa phòng chỉ định: BHYT, Viện phí, Dịch vụ |
| I.6.27 | Báo cáo doanh thu khoa phòng thực hiện: BHYT, Viện phí, Dịch vụ... |
| I.6.28 | Báo cáo doanh thu dịch vụ kỹ thuật theo: BHYT, Viện phí, Dịch vụ... |
| I.6.29 | Báo cáo doanh thu theo nhóm dịch vụ: Xét nghiệm, CDHA, TDCN, PTTT... |
| I.6.30 | Báo cáo doanh thu theo hóa đơn bệnh nhân BHYT, Viện phí, Dịch vụ... đối tượng nội trú, ngoại trú |
| I.6.31 | Báo cáo doanh thu tạm ứng, hoàn ứng đối tượng nội trú, ngoại trú |
| I.6.32 | Hệ thống báo cáo thống kê chi phí: chi phí của bệnh nhân, chi phí khoa phòng |
| I.6.33 | Khi cập nhật thẻ BHYT hoặc gia hạn thẻ thì hệ thống tự động cập nhật đúng thông tin thanh toán theo hạn thẻ và mã thẻ |
| I.6.34 | Cảnh báo trùng mã Bệnh nhân khi cập nhật thông tin thẻ BHYT (Để các Bệnh nhân khám bệnh có 1 mã y tế duy nhất) |
| I.6.35 | Có thể sử dụng giải pháp thanh toán không tiền mặt: như kết nối máy POS, Qrcode... |
| I.6.36 | Báo cáo danh sách chỉ định mã dịch vụ nhi khoa |
| I.6.37 | Báo cáo danh sách bệnh nhân điều trị ngày cuối năm |
| I.6.38 | Chức năng kiểm tra bảng kê theo khoa |
| I.6.39 | Kết nối thanh toán QRCode động |
| I.6.40 | Lọc (hoặc tìm kiếm) bệnh nhân theo file excel |
| I.6.41 | Chuyển đối tượng BHYT theo khoa và toàn viện |
| I.6.42 | Sửa trực tiếp dữ liệu XML thanh toán BHYT |
| I.6.43 | Chức năng sửa thẻ BHYT |
| I.6.44 | Báo cáo chi tiết, tổng hợp Thuốc, vật tư, hóa chất, vật tư tiêu hao đã sử dụng theo nguồn (Nguồn TW, Địa phương, BHYT_ viện phí, Khác) |
| I.7 | Kết nối với BHXH thanh quyết toán BHYT (tập tin XML) |
| I.7.1 | Duyệt BHYT |
| I.7.2 | Kết xuất mẫu biểu báo cáo BHYT: 19,20,21,79.80 theo QĐ 1399, File mềm gửi công theo CV3360; mẫu theo thông tư 102 |
| I.7.3 | Gửi bảo hiểm theo danh sách qua API |
| I.7.4 | Khóa số liệu |
| I.7.5 | Chuyển thông tin bảo hiểm/ Danh sách bệnh nhân |
| I.7.6 | Chuyển thông tin bảo hiểm/Chuyển đối tượng |
| I.7.7 | Xuất XML mã hóa theo văn bản 4210, 3176 BYT |
| I.7.8 | Xuất XML chưa mã hóa mã hóa theo văn bản 4210, 3176 BYT |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|------------|---|
| I.7.9 | Xuất dữ liệu Excel theo các bảng dữ liệu quy định tại văn bản 3176/BYT |
| I.7.10 | Xem báo cáo BHYT: 19,20,21 và 7980 từ các đơn vị tuyến dưới |
| I.8 | Quản lý phẫu thuật thủ thuật |
| I.8.1 | In phiếu chứng nhận PTTT |
| I.8.2 | In tường trình phẫu thuật thủ thuật |
| I.8.3 | Tạo thuốc, vật tư đi kèm gói phẫu thuật thủ thuật |
| I.8.4 | Tạo thuốc, vật tư ngoài gói phẫu thuật thủ thuật |
| I.8.5 | In thông tin hành chính các biểu mẫu Bảng kiểm an toàn phẫu thuật thủ thuật |
| I.8.6 | In phiếu thực hiện và công khai thuốc (in theo tờ điều trị) |
| I.8.7 | Cập nhật thông tin thanh toán loại PTTT (Phụ không thay ekip mổ, phụ có thay ekip mổ) |
| I.8.8 | Phiếu gây mê hồi sức |
| I.8.9 | Phiếu chuẩn bị trước mổ |
| I.8.10 | Phiếu thuốc vật tư đi kèm PTTT |
| I.8.11 | Chức năng đổi dịch vụ PTTT |
| I.8.12 | Chức năng gỡ hoàn thành phiếu PTTT |
| I.9 | Quản lý điều trị nội trú |
| I.9.1 | Kết nối màn hình LCD hiển thị danh sách người bệnh đang điều trị. |
| I.9.2 | Chức năng chỉ định dịch vụ CLS (Xét nghiệm, CĐHA, TDCN), Thủ thuật, phẫu thuật, các dịch vụ khác. |
| I.9.3 | Cảnh báo kết quả xét nghiệm bất thường, nằm ngoài giới hạn cho phép |
| I.9.4 | Chức năng khai báo thông tin dấu hiệu sinh tồn |
| I.9.5 | Chức năng kê đơn thuốc |
| I.9.6 | Chức năng kê đơn vật tư |
| I.9.7 | Chức năng tạo phiếu máu, chế phẩm máu |
| I.9.8 | Chức năng tổng hợp đơn thuốc thành phiếu tổng hợp y lệnh thuốc |
| I.9.9 | Chức năng tổng hợp đơn vật tư thành phiếu tổng hợp y lệnh vật tư |
| I.9.10 | Chức năng tổng hợp các phiếu máu, chế phẩm máu thành phiếu tổng hợp lĩnh máu, chế phẩm máu |
| I.9.11 | Chức năng xem kết quả CLS (Xét nghiệm, CĐHA, TDCN), thủ thuật, phẫu thuật. |
| I.9.12 | Chức năng cảnh báo thời gian tái sử dụng HBA1C theo TT35 |
| I.9.13 | Cảnh báo 1 số lưu ý khi chỉ định 1 số dịch vụ theo TT35 |
| I.9.14 | Chức năng in kết quả xét nghiệm ngay tại khoa điều trị |
| I.9.15 | Chức năng hội chẩn |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|------------|--|
| I.9.16 | Chức năng gửi khám kết hợp |
| I.9.17 | Chức năng gửi điều trị kết hợp |
| I.9.18 | Chức năng chuyển mổ cấp cứu |
| I.9.19 | Chức năng chuyển mổ phiên |
| I.9.20 | Chức năng xem Hồ sơ bệnh án |
| I.9.21 | Chức năng cảnh báo chỉ định trùng dịch vụ |
| I.9.22 | Chức năng sử dụng, tạo đơn thuốc mẫu |
| I.9.23 | Chức năng sử dụng, tạo đơn vật tư mẫu |
| I.9.24 | Chức năng sử dụng đơn thuốc cũ |
| I.9.25 | Chức năng sử dụng đơn vật tư cũ |
| I.9.26 | Chức năng cảnh báo tương tác thuốc theo bảng màu |
| I.9.27 | Chức năng cảnh báo số tiền tạm ứng không đủ khi chỉ định dịch vụ/thuốc/vật tư (trừ hao phí không tính tiền cho BN) |
| I.9.28 | Cảnh báo dịch vụ CLS chưa thực hiện khi xuất khoa/xuất viện. |
| I.9.29 | Quản lý, kê đơn thuốc theo phác đồ điều trị |
| I.9.30 | Quản lý, chỉ định dịch vụ theo phác đồ điều trị |
| I.9.31 | In phiếu chỉ định dịch vụ CLS (Xét nghiệm, CĐHA, TDCN...), Thủ thuật, các dịch vụ khác |
| I.9.32 | In phiếu tổng hợp y lệnh thuốc |
| I.9.33 | In phiếu tổng hợp y lệnh vật tư |
| I.9.34 | In phiếu tổng hợp lĩnh máu |
| I.9.35 | In phiếu tổng hợp lĩnh suất ăn |
| I.9.36 | In phiếu điều trị |
| I.9.37 | In phiếu chăm sóc |
| I.9.38 | In phiếu chức năng sống |
| I.9.39 | In phiếu truyền máu |
| I.9.40 | In phiếu truyền dịch |
| I.9.41 | In phiếu hội chẩn |
| I.9.42 | Chức năng in sổ hội chẩn |
| I.9.43 | In giấy chứng nhận Phẫu Thuật |
| I.9.44 | In phiếu chỉ định giải phẫu bệnh |
| I.9.45 | In giấy đề nghị người bệnh đi tạm ứng |
| I.9.46 | Chức năng kết thúc điều trị: Ra viện, Trốn viện, Chuyển khoa, Chuyển viện, Tử vong, Khác |
| I.9.47 | In giấy ra viện |
| I.9.48 | In giấy chuyển tuyến |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|------------|--|
| I.9.49 | In phiếu công khai nội trú (Thông tư 50 BYT) |
| I.9.50 | In bảng kê thanh toán ra viện theo mẫu biểu 01BV văn bản 6556 BYT |
| I.9.51 | Bệnh nhân xuất viện chưa thanh toán thì lần vào viện sau sẽ cảnh báo tại tiếp đón. |
| I.9.52 | Kiểm tra thông tin thẻ BHYT trên cổng thông tin BH khi nhập thẻ BH trong nội trú. |
| I.9.53 | Hội chẩn kháng sinh theo văn bản 5631 BYT |
| I.9.54 | Thông báo hội chẩn kháng sinh theo TT30 |
| I.9.55 | Bảng kiểm tiêm chủng TE |
| I.9.56 | Phiếu chức năng sống có thể lấy số liệu của phiếu chăm sóc |
| I.9.57 | Chức năng thông tin suất ăn người nghèo |
| I.9.58 | Chức năng và in ấn bệnh án tổng quát, bệnh án chi tiết, tóm tắt bệnh án |
| I.9.59 | Tự động cảnh báo sơ kết điều trị |
| I.9.60 | Quản lý giường vật lý và cấp giường bệnh nhân |
| I.9.61 | Cảnh báo khi kê trùng loại giường, mã giường trong ngày |
| I.9.62 | Chức năng hiển thị thông tin chi phí tạm tính của Bệnh nhân trong khoa (Tiền tạm ứng, tiền Bệnh nhân trả, tiền BHYT thanh toán...) |
| I.9.63 | Chức năng đánh giá tình trạng dinh dưỡng của các đối tượng trưởng thành, nhi, mang thai... |
| I.9.64 | Chức năng cấp giấy chứng sinh |
| I.9.65 | Bàn giao hồ sơ bệnh án |
| I.9.66 | Thông báo chỉ định thuốc trong ngày để khoa biết Bệnh nhân nào đã chỉ định thuốc, bệnh nhân nào chưa chỉ định |
| I.9.67 | Thông báo đã tóm tắt bệnh án (Tóm tắt bệnh án theo mẫu MS: 52/BV2 TT32 BYT) |
| I.9.68 | Chức năng mở bệnh án cho khoa trước đó |
| I.9.69 | Chức năng cập nhật phiếu theo TT32 BYT |
| I.9.70 | Chức năng chuyển phòng cho Bệnh nhân (Chuyển từ buồng điều trị này sang buồng điều trị kia) |
| I.9.71 | Chức năng chuyển Bác sĩ điều trị |
| I.9.72 | Chức năng Lãnh đạo ký chuyển viện |
| I.9.73 | Chức năng xem lược sử bệnh án |
| I.9.74 | Chức năng xem lược sử điều trị |
| I.9.75 | Chức năng tạo biểu đồ chuyển dạ |
| I.9.76 | Chức năng tạo phiếu gây mê hồi sức |
| I.9.77 | Chức năng khám và chỉ định PHCN |
| I.9.78 | Chức năng phiếu lượng giá HĐCN và sự tham gia |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|-------------|---|
| I.9.79 | Chức năng kỹ thuật PHCN |
| I.9.80 | Tạo mẫu mô tả thực hiện PTTT |
| I.9.81 | Chức năng gọi lại bệnh nhân chuyển khoa |
| I.9.82 | Chức năng xóa Bệnh nhân không nhập viện |
| I.9.83 | Chức năng chọn hồ sơ bệnh án khi vào viện |
| I.9.84 | Cảnh báo hội chẩn thuốc theo văn bản 5631 và TT30 BHYT |
| I.9.85 | Tự động đánh số thứ tự trong tờ điều trị |
| I.9.86 | Sắp xếp thuốc theo quy định của Thông tư số 23/2011/TT-BYT ngày 10 tháng 6 năm 2011 |
| I.9.87 | Chức năng cập nhật các thông tin và in mẫu hồ sơ bệnh án đáp ứng đúng theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT |
| I.9.88 | Chức năng in tờ điều trị toàn viện |
| I.10 | Quản lý phòng bệnh, giường bệnh |
| I.10.1 | Quản lý giường |
| I.10.2 | Thêm giường |
| I.10.3 | Xếp giường cho bệnh nhân |
| I.10.4 | Chuyển phòng cho bệnh nhân |
| I.10.5 | Kê tiền giường |
| I.11 | Quản lý suất ăn cho bệnh nhân |
| I.11.1 | Danh mục Suất ăn |
| I.11.2 | Tạo phiếu suất ăn |
| I.11.3 | Danh sách suất ăn |
| I.11.4 | Tổng hợp suất ăn |
| I.11.5 | Duyệt phiếu suất ăn |
| I.12 | Báo cáo thống kê |
| I.12.1 | Phiếu in |
| I.12.2 | Danh sách báo cáo |
| I.13 | Quản lý khám sức khỏe |
| I.13.1 | Danh mục công ty |
| I.13.2 | Quản lý hợp đồng khám sức khỏe theo đoàn |
| I.13.3 | Nhập danh sách bệnh nhân từ File Excel |
| I.13.4 | Nhập danh sách bệnh nhân |
| I.13.5 | Hội đồng điều trị |
| I.13.6 | Danh mục gói dịch vụ |
| I.13.7 | Cấu hình dịch vụ |
| I.13.8 | Tiếp nhận khám |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|-------------|--|
| I.13.9 | Nhập thông tin khám tổng quát |
| I.13.10 | Phân loại khám sức khỏe |
| I.13.11 | Chuyển dữ liệu Cận lâm sàng cho các phòng thực hiện |
| I.13.12 | Báo cáo kết quả xét nghiệm sức khỏe theo đoàn |
| I.14 | Quản lý hàng đợi xếp hàng tự động |
| I.14.1 | Hàng đợi tiếp nhận |
| I.14.2 | Hàng đợi khám bệnh |
| I.14.3 | Hàng đợi viện phí |
| I.14.4 | Hàng đợi phát thuốc |
| I.15 | Quản lý hóa chất, vật tư tiêu hao và nhà thuốc |
| I.15.1 | Quản lý hóa chất, vật tư tiêu hao |
| I.15.2 | Nhà thuốc |
| I.16 | Quản lý trang thiết bị y tế |
| I.16.1 | Nhập xuất kho/Nhập kho |
| I.16.2 | Chuyển kho |
| I.16.3 | Trang cấp tài sản |
| I.16.4 | Duyệt yêu cầu trang cấp |
| I.16.5 | Sửa chữa thiết bị |
| I.16.6 | Lập kế hoạch bảo dưỡng |
| I.16.7 | Duyệt kế hoạch bảo dưỡng |
| I.16.8 | Cập nhật trạng thái thiết bị |
| I.16.9 | Tra cứu tồn kho |
| I.16.10 | Tra cứu lịch sử sử dụng |
| I.17 | Kết nối với RIS/ PACS cơ bản |
| I.17.1 | Kết nối với màn hình hiển thị danh sách người bệnh chờ thực hiện. |
| I.17.2 | Kết nối với các máy sinh ảnh |
| I.17.3 | Chức năng gọi người bệnh vào thực hiện |
| I.17.4 | Phân phòng thực hiện cho từng dịch vụ |
| I.17.5 | Kết nối với hệ thống PACS cho phép kỹ thuật viên xem ảnh ngay trên HIS |
| I.17.6 | Chức năng nhập mô tả, kết luận, đính kèm ảnh và ghi chú. |
| I.17.7 | Chức năng kê đơn thuốc |
| I.17.8 | Chức năng kê đơn vật tư |
| I.17.9 | Hệ thống báo cáo doanh thu CDHA, sổ CDHA |
| I.17.10 | Trả kết quả qua mạng về khoa/phòng (Gồm: Mô tả, kết luận, hình ảnh và ghi chú) |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|-------------|---|
| I.17.11 | Thống kê chỉ định và thực hiện |
| I.17.12 | Quản lý danh sách phiếu yêu cầu CDHA |
| I.17.13 | Quản lý phụ cấp phẫu thuật thủ thuật |
| I.18 | Quản lý khoa/phòng cấp cứu |
| I.18.1 | Tiếp nhận cấp cứu |
| I.18.2 | Khám bệnh cấp cứu |
| I.18.3 | Quản lý hành chính cấp cứu |
| I.18.4 | Điều trị bệnh nhân cấp cứu |
| I.18.5 | Quản lý thuốc vật tư cấp cứu |
| I.19 | Quản lý phòng mổ |
| I.19.1 | Lên lịch mổ |
| I.19.2 | Duyệt mổ |
| I.19.3 | Khám mê, duyệt mê |
| I.19.4 | Cập nhật thông tin phẫu thuật thủ thuật |
| I.19.5 | Báo cáo danh sách duyệt mổ phiên, mổ cấp cứu |
| I.19.6 | Chức năng trả về khoa điều trị |
| I.19.7 | Quản lý thuốc, vật tư, gói phẫu thuật thủ thuật trong ca mổ |
| I.19.8 | Quản lý Bệnh nhân hậu phẫu, sau mổ |
| I.19.9 | Chức năng hiển thị bệnh nhân mổ cấp cứu |
| I.20 | Quản lý lịch hẹn điều trị, nhắc lịch hẹn tái khám |
| I.20.1 | Tiếp nhận thông tin lịch hẹn |
| I.20.2 | Quản lý đăng ký hẹn khám |
| I.21 | Quản lý ngân hàng máu (nếu có) |
| I.21.1 | Nhập máu từ nhà cung cấp |
| I.21.2 | Cập nhật barcode túi máu |
| I.21.3 | Điều chỉnh túi máu nội trú |
| I.21.4 | Điều chỉnh túi máu ngoại trú |
| I.21.5 | Truyền máu hòa hợp |
| I.21.6 | In ấn |
| I.22 | Quản lý người bệnh bằng thẻ điện tử |
| I.22.1 | Cấp mã số thẻ |
| I.22.2 | Đăng ký khám bệnh |
| I.23 | Các hệ thống tích hợp |
| I.23.1 | Cổng giám định Bảo hiểm xã hội |
| I.23.2 | Hóa đơn điện tử |
| I.23.3 | Cổng dược quốc gia |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|-------------|--|
| I.23.4 | Hệ thống đơn thuốc điện tử |
| I.23.5 | Cổng dữ liệu y tế |
| I.24 | Quản lý lưu trữ hồ sơ bệnh án, kế hoạch nghiệp vụ |
| I.24.1 | Chức năng nhập lưu trữ hồ sơ bệnh án |
| I.24.2 | Cấp số lưu trữ tự động sinh theo khoa hoặc toàn viện |
| I.24.3 | Tự động reset số lưu trữ theo năm hoặc tăng liên tục |
| I.24.4 | Tìm kiếm nhanh theo số lưu trữ, mã bệnh nhân. |
| I.24.5 | Hệ thống báo cáo giao ban, thống kê toàn bộ hoạt động đơn vị |
| I.24.6 | Sổ khám bệnh (chung, chuyên khoa, ngoại trú) |
| I.24.7 | Sổ vào viện, ra viện, chuyển viện |
| I.24.8 | Sổ phẫu thuật |
| I.24.9 | Sổ thủ thuật |
| I.24.10 | Sổ xét nghiệm |
| I.24.11 | Sổ xét nghiệm tế bào máu ngoại vi |
| I.24.12 | Sổ chẩn đoán hình ảnh |
| I.24.13 | Sổ nội soi |
| I.24.14 | Sổ xét nghiệm vi sinh |
| I.24.15 | Sổ lưu trữ hồ sơ bệnh án |
| I.24.16 | Sổ lưu trữ hồ sơ bệnh án tử vong |
| I.24.17 | Sổ tổng hợp thuốc hàng ngày |
| I.24.18 | Báo cáo tình hình bệnh tật tử vong theo ICD10 |
| I.24.19 | Báo cáo hoạt động khám bệnh |
| I.24.20 | Báo cáo hoạt động điều trị |
| I.24.21 | Báo cáo hoạt động phẫu thuật, thủ thuật |
| I.24.22 | Báo cáo hoạt động cận lâm sàng |
| I.24.23 | Báo cáo tai nạn thương tích |
| I.25 | Quản lý phác đồ điều trị |
| I.25.1 | Danh mục phác đồ điều trị |
| I.25.2 | Cập nhật phác đồ điều trị |
| I.25.3 | Cảnh báo phác đồ điều trị |
| I.25.4 | Lược sử phác đồ điều trị |
| I.26 | Nghiên cứu khoa học |
| I.26.1 | Thêm mới thông tin chuyên mục |
| I.26.2 | Danh sách chuyên mục |
| I.26.3 | Thêm đề tài |
| I.26.4 | Danh sách đề tài |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|-------------|--|
| I.26.5 | Import danh sách đề tài bằng file excel |
| I.27 | Chỉ đạo tuyến |
| I.27.1 | Thông tin đợt chỉ đạo |
| I.27.2 | Nội dung hỗ trợ đợt chỉ đạo |
| I.27.3 | Danh sách các đợt chỉ đạo |
| I.28 | Quản lý tương tác thuốc |
| I.28.1 | Danh mục loại tương tác thuốc vật tư |
| I.28.2 | Danh mục lý do sử dụng thuốc khi tương tác |
| I.28.3 | Khai báo thông tin tương tác thuốc: Chức năng cho phép người dùng có thể khai báo thông tin khi tương tác thuốc như mã thuốc, tên thuốc/vật tư, hàm lượng, loại tương tác, ghi chú |
| I.28.4 | Khai báo thông tin tương tác hoạt chất |
| I.28.5 | Danh mục tương tác ATC |
| I.28.6 | Cảnh báo tương tác thuốc |
| I.29 | Quản lý thuốc đặc biệt |
| I.29.1 | Hội chẩn thuốc 1 sao, 2 sao |
| I.29.2 | Hội chẩn thuốc kháng sinh |
| I.29.3 | Thuốc cảnh báo khi kê |
| I.29.4 | Thuốc đánh số: Chức năng cho phép đếm ngày sử dụng thuốc được quy định phải theo dõi và đếm tại TT23/2011 của BHYT |
| I.30 | Quản lý kháng sinh đồ |
| I.30.1 | Danh mục nhóm vi khuẩn |
| I.30.2 | Danh mục vi khuẩn |
| I.30.3 | Danh mục kháng sinh |
| I.30.4 | Danh mục dịch vụ vi khuẩn |
| I.30.5 | Danh mục vi khuẩn kháng sinh |
| I.31 | Quản lý giải phẫu bệnh |
| I.31.1 | Danh mục mẫu giải phẫu bệnh |
| I.31.2 | Danh mục giải phẫu bệnh |
| I.31.3 | Danh mục vị trí sinh thiết |
| I.31.4 | Danh mục phương pháp nhuộm |
| I.31.5 | Quản lý bệnh phẩm |
| I.31.6 | Kết quả bệnh phẩm |
| I.32 | Quản lý văn phòng phẩm |
| I.32.1 | Danh mục văn phòng phẩm |
| I.32.2 | Nhập vật tư văn phòng phẩm từ NCC |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|--------|-------------------------------|
| I.32.3 | Yêu cầu vật tư văn phòng phẩm |
| I.32.4 | Duyệt yêu cầu VT-VPP |

3.1.2 Yêu cầu chức năng phần mềm Hệ thống quản lý xét nghiệm (LIS)

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|-------------|---|
| II.1 | Quản trị hệ thống |
| II.1.1 | Quản lý phân quyền - chức năng |
| II.1.2 | Quản lý tham số hệ thống |
| II.1.3 | Quản lý cấp số tự động |
| II.1.4 | Cấu hình gọi số bằng âm thanh |
| II.1.5 | Quản lý danh mục khoa phòng |
| II.1.6 | Quản lý danh mục đối tượng khách hàng |
| II.1.7 | Quản lý danh sách nhân viên - bác sĩ |
| II.1.8 | Quản lý danh mục dịch vụ xét nghiệm |
| II.1.9 | Quản lý danh mục thông số xét nghiệm |
| II.1.10 | Quản lý danh mục nhóm xét nghiệm |
| II.1.11 | Quản lý mẫu chỉ định xét nghiệm |
| II.1.12 | Quản lý mẫu bệnh phẩm |
| II.1.13 | Quản lý loại bệnh nhân |
| II.1.14 | Quản lý cơ sở y tế |
| II.1.15 | Lọc danh sách chờ từ HIS |
| II.1.16 | Quản lý danh sách phiếu |
| II.2 | Chức năng phần mềm LIS |
| II.2.1 | Chức năng in barcode |
| II.2.2 | Danh sách bệnh nhân chờ lấy mẫu xét nghiệm |
| II.2.3 | Chức năng tiếp nhận bệnh phẩm |
| II.2.4 | Chức năng chọn người lấy mẫu, người thực hiện |
| II.2.5 | Nhận chỉ định từ khoa phòng, đồng bộ kết quả xét nghiệm của Bệnh nhân tại khoa phòng. |
| II.2.6 | Cảnh báo kết quả bất thường nếu nằm ngoài giá trị bình thường |
| II.2.7 | Duyệt kết quả |
| II.2.8 | Hủy duyệt kết quả |
| II.2.9 | Chức năng sửa kết quả xét nghiệm |
| II.2.10 | Trả kết quả xét nghiệm qua mạng về khoa/phòng |
| II.2.11 | Hệ thống số xét nghiệm: Sinh hóa, vi sinh, huyết học, nước tiểu |
| II.2.12 | Chức năng giao tiếp với máy xét nghiệm qua cổng Com, RJ45, RJ11... |

| | |
|---------|--|
| II.2.13 | Chức năng terminal đón nhận raw, view raw, kiểm tra raw từ máy xét nghiệm |
| II.2.14 | Tích hợp các protocol máy xét nghiệm: HL7, ASTM1381, ASTM1394, ASCII, Advia, Hitachi, AU, Rpidboind... |
| II.2.15 | Kết nối xét nghiệm theo nhiều chuẩn khác nhau: RS232, TCP IP Server, TCP IP Client |
| II.2.16 | Kết nối máy xét nghiệm 1 chiều |
| II.2.17 | Kết nối máy xét nghiệm 2 chiều |
| II.2.18 | Hệ thống báo cáo thống kê xét nghiệm |
| II.2.19 | Quản lý QC cho xét nghiệm |
| II.2.20 | Lập các biểu đồ xét nghiệm |
| II.2.21 | Ánh xạ các mã xét nghiệm LIS và mã xét nghiệm trên từng máy xét nghiệm |
| II.2.22 | Cài đặt đơn vị đo, giá trị bình thường của các mẫu xét nghiệm |
| II.2.23 | Quản lý danh mục các chỉ số xét nghiệm |

3.1.3 Yêu cầu chức năng phần mềm Hệ thống quản lý chẩn đoán hình ảnh (RIS/PACS).

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|--------------|---|
| III.1 | Các chức năng phần mềm RIS |
| III.1.1 | Nhập phiếu yêu cầu CĐHA tại RIS |
| III.1.2 | Quản lý danh sách phiếu yêu cầu CĐHA |
| III.1.3 | Quản lý danh sách chụp chiếu (Worklist) |
| III.1.4 | Tìm kiếm dữ liệu PACS |
| III.1.5 | In nhãn dán cho ca chụp |
| III.1.6 | Quản lý màn hình chờ |
| III.1.7 | Quản lý lịch phân công trực |
| III.1.8 | Quản lý mẫu chẩn đoán thường dùng |
| III.1.9 | Quản lý mẫu mô tả ca chụp |
| III.1.10 | Quản lý bộ từ viết tắt |
| III.1.11 | Bác sĩ tìm kiếm thông tin ca chụp |
| III.1.12 | Xem thông tin ca chụp |
| III.1.13 | Chẩn đoán ca chụp |
| III.1.14 | Quản lý mẫu mô tả |
| III.1.15 | Chức năng in mẫu kết quả |
| III.1.16 | Danh sách bệnh nhân |
| III.1.17 | Truy vấn, tìm kiếm bệnh nhân |
| III.1.18 | Quản lý bệnh nhân |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|------------|--|
| III.1.19 | Xem thông tin chi tiết bệnh nhân |
| III.1.20 | Thống kê |
| III.1.21 | Xuất mẫu thống kê |
| III.1.22 | Quản lý danh mục dịch vụ |
| III.1.23 | Tìm kiếm dịch vụ |
| III.1.24 | Quản lý phòng chụp chiếu |
| III.1.25 | Quản lý thiết bị chụp chiếu |
| III.1.26 | Tìm kiếm thiết bị chụp chiếu |
| III.1.27 | Thiết lập dịch vụ |
| III.1.28 | Danh sách dịch vụ thiết lập và chưa thiết lập |
| III.1.29 | Quản lý ca làm việc |
| III.1.30 | Quản lý mẫu kết quả |
| III.1.31 | Tìm kiếm danh sách mẫu kết quả |
| III.1.32 | Thiết lập mẫu kết quả |
| III.1.33 | Quản lý danh sách người dùng |
| III.1.34 | Tìm kiếm người dùng |
| III.1.35 | Quản lý phân quyền |
| III.1.36 | Quản lý role |
| III.1.37 | Cài đặt |
| III.1.38 | Cấu hình kết nối HIS |
| III.1.39 | Cấu hình kết nối PACS |
| III.1.40 | Thực hiện liên kết nhiều hình ảnh kết quả cho 1 ca chụp |
| III.1.41 | Thực hiện gán KTV phụ vào ca chụp |
| III.1.42 | Hiển thị thông tin SĐT bệnh nhân và SĐT người thân lên mẫu report |
| III.1.43 | Lọc danh sách người dùng theo khoa |
| III.1.44 | Hiển thị cảnh báo bệnh nhân chưa đóng tiền khi trả kết quả ca chụp về HIS |
| III.1.45 | Xem ảnh Dicom tại hệ thống EMR |
| III.1.46 | Đồng bộ danh mục đối tượng từ HIS về |
| III.1.47 | Chức năng tìm kiếm ca chụp theo đối tượng |
| III.1.48 | Liên kết hình ảnh tự động đối với thiết bị 1 chiều thành công |
| III.1.49 | Tìm kiếm ca chụp bằng barcode của phiếu chỉ định từ HIS |
| III.1.50 | Tìm kiếm ca chụp bằng scan hình ảnh upload |
| III.1.51 | Sinh mã QRCode |
| III.1.52 | Quét mã QRCode tự động nhập thông tin bệnh nhân vào workstation của hãng cung cấp thiết bị |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|--------------|---|
| III.1.53 | Chức năng chia sẻ thông tin và hình ảnh kết quả ca chụp qua QR Code |
| III.1.54 | Quản lý danh mục ICD10 |
| III.1.55 | Quản lý danh mục loại PTTT |
| III.1.56 | Quản lý danh mục PTTT |
| III.1.57 | Quản lý danh mục phương pháp vô cảm |
| III.1.58 | Thống kê ca chụp theo nhóm dịch vụ |
| III.1.59 | Chức năng ghi đĩa đính kèm hình ảnh và kết quả tại PACS |
| III.1.60 | Chức năng tải hình ảnh Dicom từ hệ thống PACS |
| III.2 | Quản lý log tích hợp HIS RIS |
| III.2.1 | Lưu lịch sử nhật ký tích hợp HIS -> RIS |
| III.2.2 | Lưu lịch sử nhật ký tích hợp RIS -> HIS |
| III.2.3 | Tìm kiếm lịch sử tích hợp theo mã phiếu |
| III.2.4 | Tìm kiếm lịch sử tích hợp theo mã bệnh nhân |
| III.2.5 | Tìm kiếm lịch sử tích hợp theo mã bệnh án |
| III.2.6 | Tìm kiếm lịch sử tích hợp theo ngày chỉ định |
| III.2.7 | Tìm kiếm lịch sử theo hệ thống gửi |
| III.3 | Tích hợp HIS |
| III.3.1 | Kiểm tra kết nối tới HIS |
| III.3.2 | Đồng bộ bác sĩ khoa CĐHA và KTV từ HIS |
| III.3.3 | Đồng bộ dịch vụ CĐHA từ HIS |
| III.3.4 | Đồng bộ phiếu chỉ định CĐHA từ HIS thủ công |
| III.3.5 | Đồng bộ phiếu chỉ định CĐHA từ HIS tự động |
| III.3.6 | Cập nhật kết quả CĐHA ca chụp |
| III.3.7 | Hủy kết quả CĐHA ca chụp |
| III.3.8 | Đồng bộ danh mục đối tượng |
| III.3.9 | Cập nhật trạng thái phiếu chỉ định CĐHA khi hủy phiếu từ hệ thống RIS |
| III.3.10 | Chức năng hủy dịch vụ trong phiếu chỉ định tại HIS |
| III.4 | Tích hợp ký số |
| III.4.1 | Cấu hình ký số |
| III.4.2 | Cấu hình ký điện tử |
| III.4.3 | Cấu hình ký SignServer |
| III.4.4 | Cấu hình ký Smart CA |
| III.4.5 | Gán mẫu báo cáo theo loại ký điện tử |
| III.4.6 | Gán mẫu báo cáo theo loại Ký SignServer |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|----------|------------------------------------|
| III.4.7 | Gán mẫu báo cáo theo loại Smart CA |
| III.4.8 | Gán mẫu báo cáo theo loại không ký |
| III.4.9 | Trả kết quả ký số qua cổng CA |
| III.4.10 | Trả kết quả ký điện tử qua api v1 |
| III.4.11 | Trả kết quả ký điện tử qua api v2 |
| III.4.12 | Trả kết quả ký SignServer |
| III.4.13 | Trả kết quả ký Smart CA |
| III.4.14 | Hủy trả kết quả ký số qua cổng CA |
| III.4.15 | In kết quả ký số |
| III.4.16 | In kết quả ký điện tử |
| III.4.17 | In kết quả ký signserver |
| III.4.18 | In kết quả ký Smart CA |

3.1.4 Yêu cầu chức năng phần mềm bệnh án điện tử (EMR).

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|-------------|---|
| IV.1 | Quản trị hệ thống |
| IV.1.1 | Đăng nhập |
| IV.1.2 | Trang chủ |
| IV.1.3 | Đăng xuất |
| IV.1.4 | Quản lý người dùng |
| IV.1.5 | Quản lý đơn vị |
| IV.1.6 | Quản lý log dữ liệu |
| IV.1.7 | Quản lý lịch sử thao tác HSBA |
| IV.1.8 | Thiết lập cấu hình đơn vị |
| IV.2 | Hồ sơ bệnh án |
| IV.2.1 | Hồ sơ bệnh án mở |
| IV.2.2 | Tổng hợp lưu trữ HSBA |
| IV.2.3 | Duyệt nhận hồ sơ bệnh án |
| IV.2.4 | Lưu trữ hồ sơ bệnh án |
| IV.2.5 | Tạo phiếu mượn |
| IV.2.6 | Duyệt phiếu mượn |
| IV.2.7 | Kết xuất bộ hồ sơ bệnh án |
| IV.3 | Báo cáo tra cứu |
| IV.3.1 | Tra cứu hồ sơ bệnh án |
| IV.4 | Các chức năng dành cho Bảo hiểm xã hội |
| IV.4.1 | Tra cứu hồ sơ bệnh án |
| IV.5 | Kết xuất dữ liệu hồ sơ |

| | |
|--------|--|
| IV.5.1 | Kết xuất dữ liệu hồ sơ điện tử theo chuẩn HL7 (phục vụ liên thông bệnh án hoặc điều trị khi bệnh nhân chuyển viện) |
|--------|--|

3.1.5 Yêu cầu chức năng Ứng dụng di động dành cho Bác sĩ, Bệnh nhân (App Android, iOS)

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|------------|---|
| V.1 | Tính năng dành cho Bác sĩ |
| V.1.1 | Đăng nhập |
| V.1.2 | Đổi mật khẩu |
| V.1.3 | Quản lý đặt lịch khám tại CSYT |
| V.1.4 | Quản lý lịch hẹn tư vấn online |
| V.1.5 | Gửi thông báo cho app bệnh nhân |
| V.1.6 | Quản lý tiêm vắc xin |
| V.1.7 | Báo cáo hiện trạng đặt lịch |
| V.1.8 | Báo cáo hồ sơ tạo lập |
| V.1.9 | Báo cáo tình trạng hoạt động của CSYT trên vnCare |
| V.1.10 | Báo cáo số lượng đặt lịch theo địa phương |
| V.1.11 | Khởi tạo cơ sở y tế |
| V.1.12 | Quản lý cấu hình |
| V.1.13 | Danh mục phòng khám |
| V.1.14 | Danh mục yêu cầu khám |
| V.1.15 | Danh mục nhân viên |
| V.1.16 | Danh mục cấu hình thời gian khám (cho từng bệnh viện) |
| V.1.17 | Danh mục dân tộc |
| V.1.18 | Danh mục quốc tịch |
| V.1.19 | Danh mục địa danh |
| V.1.20 | Danh mục nghề nghiệp |
| V.2 | Tính năng dành cho Bệnh nhân |
| V.2.1 | Đăng ký |
| V.2.2 | Đăng nhập |
| V.2.3 | Đổi mật khẩu |
| V.2.4 | Quên mật khẩu |
| V.2.5 | Thay đổi số điện thoại |
| V.2.6 | Quản lý thông tin hồ sơ |
| V.2.7 | Tra cứu Hồ sơ sức khỏe |
| V.2.8 | Tìm kiếm cơ sở y tế |
| V.2.9 | Đặt lịch khám |
| V.2.10 | Đặt lịch tư vấn online |

| STT | Tính năng/Kỹ thuật |
|------------|---------------------------------------|
| V.2.11 | Tra cứu kết quả tư vấn online |
| V.2.12 | Thông báo nhắc lịch |
| V.2.13 | Tra cứu lịch sử khám chữa bệnh |
| V.2.14 | Quản lý lịch hẹn tái khám |
| V.2.15 | Khảo sát hài lòng nội trú-ngoại trú |
| V.2.16 | Xem lịch sử đặt lịch khám |
| V.2.17 | Thanh toán viện phí |
| V.2.18 | Đăng ký tiêm vắc xin |
| V.2.19 | Nhắc lịch dùng thuốc |
| V.2.20 | Đặt lịch khám không cần tạo tài khoản |
| V.2.21 | Quản lý thông tin hồ sơ |
| V.2.22 | Tra cứu Hồ sơ sức khỏe |

3.2 Yêu cầu chức năng khác

- Phần mềm phải có tính năng tích hợp với hệ thống thẻ khám chữa bệnh thông minh, liên thông với cổng thông tin Bảo hiểm xã hội Việt Nam.
- Phần mềm phải có khả năng tích hợp được với các hệ thống quản lý của Bộ Y tế như hệ thống CSDL được Quốc gia và các hệ thống quản lý bệnh viện khác trên toàn quốc.
- Phần mềm phải có tính năng tích hợp chữ ký số, hóa đơn điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt liên kết với các ngân hàng.
- Đáp ứng yêu cầu ký số đối với các mẫu phiếu tại thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.
- Phần mềm phải tương thích với các cơ sở dữ liệu hiện trạng của đơn vị, đảm bảo tính toàn vẹn của dữ liệu trong quá trình vận hành.
- Tích hợp đầy đủ và liên thông dữ liệu với hệ thống dữ liệu y tế của Sở y tế Quảng Trị.
- Tích hợp đầy đủ và liên thông dữ liệu với hệ thống dữ liệu y tế của IOC tỉnh Quảng Trị.
- Có khả năng tích hợp các Kiosk lấy số trong y tế và SMS BrandName nhắn tin tái khám.

4. Yêu cầu phi chức năng của phần mềm

4.1. Yêu cầu về bảo mật an toàn dữ liệu (xác định chuẩn bảo mật được sử dụng, mô hình kiểm tra, xác thực, bảo mật dữ liệu)

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn bảo an toàn vận hành, bảo mật của hệ thống cũng sẽ được kế thừa từ các tiêu chuẩn, quy chuẩn bảo đảm an toàn vận hành, bảo

mật do nhà nước quy định;

- Phải đảm bảo các quy định về an toàn thông tin trên môi trường máy tính và mạng máy tính.
- Phần mềm mã hóa các dữ liệu quan trọng như password, thông tin tài khoản... được mã hóa và phân quyền truy cập chặt chẽ
- Phần mềm phải lưu nhật ký tác động các chức năng thay đổi danh mục, thực hiện dịch vụ, số liệu được và thao tác người dùng ảnh hưởng đến quá trình khám chữa bệnh.

4.2 Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình

- Phần mềm cần được thiết kế đạt yêu cầu thẩm mỹ, thân thiện và dễ sử dụng, phù hợp với cách thức khai thác dữ liệu thống kê của các hệ thống tiên tiến.
- Hỗ trợ điều hướng rõ ràng, sử dụng ngôn ngữ tiếng việt chuẩn Unicode.

4.3 Yêu cầu cần đáp ứng về thời gian xử lý, độ phức tạp xử lý của các chức năng phần mềm

- Phần mềm đảm bảo tìm kiếm dữ liệu nhanh chóng ($\leq 15s$ với mỗi trang kết quả).
- Đáp ứng truy cập ≥ 500 người dùng cùng thời điểm.

4.4. Yêu cầu về ràng buộc xử lý logic đối với việc nhập (hay chuyển đổi) dữ liệu thông qua sử dụng các ô nhập liệu do giao diện chương trình cung cấp

- Dữ liệu được kiểm tra ngay thời điểm người dùng nhập dữ liệu vào ô nhập;
- Hiện thị thông báo ngay hoặc không cho nhập khi người dùng nhập dữ liệu không hợp lệ;
- Các ô nhập phải hiển thị dấu thông báo ô nhập là bắt buộc hoặc tùy chọn nhập dữ liệu cho người dùng;
- Các ô nhập cần có định dạng của dữ liệu nhập chuyên biệt ví dụ: Ô nhập ngày tháng, Ô nhập số...;
- Thứ tự các ô nhập tuân theo đúng logic của văn bản cần nhập , người dùng hoàn toàn có thể sử dụng bàn phím (không cần chuột) để di chuyển tới các ô nhập này;
- Các ô nhập hỗ trợ phím nóng để di chuyển nhanh tới ô nhập mong muốn;
- Đối với các ô nhập có dữ liệu cố định như: Danh mục, Ngày tháng, Danh sách cụ thể... cần hỗ trợ hiển thị danh sách để người dùng chọn mà không cần nhập;
- Việc nhập dữ liệu trên hệ thống đảm bảo ràng buộc xử lý logic của chương trình.

4.5 Yêu cầu về mức độ chịu đựng sai hỏng đối với các lỗi cú pháp lập trình, lỗi xử lý logic trong xử lý dữ liệu, lỗi kiểm soát tính đúng đắn của dữ liệu đầu vào, yêu cầu về bảo mật, an toàn dữ liệu

- Phần mềm phải có khả năng chịu đựng sai hỏng đối với các lỗi cú pháp lập trình. Đối với trường hợp xảy ra lỗi, phải đưa ra thông báo lỗi đầy đủ và không bị ngừng hoạt động khi gặp lỗi lập trình hoặc lỗi tiềm ẩn trong hệ thống do nguyên nhân lập trình lỗi;

- Phần mềm có khả năng xử lý, kiểm tra tính đúng đắn của dữ liệu;
- Phần mềm có cơ chế hành xử với dữ liệu gặp lỗi, đưa ra thông báo lỗi, hỗ trợ chỉnh sửa tại chỗ hoặc lưu vào danh sách dữ liệu cần điều chỉnh, chuẩn hóa;
- Các luật kiểm tra tính đúng đắn của dữ liệu nhập vào có thể được điều chỉnh cho phù hợp với những yêu cầu mới;
- Ngoài ra, hệ thống cần tuân thủ các quy định về an toàn và bảo mật dữ liệu theo quy định hiện hành.

4.6. Các yêu cầu phi chức năng khác

4.6.1. Hiệu năng hoạt động

Phần mềm phải đảm bảo các tiêu chí về tài nguyên sử dụng trong quá trình vận hành khai thác từ các đối tượng người dùng bên ngoài và cán bộ xử lý nghiệp vụ nội bộ như sau:

- Đảm bảo thời gian phản hồi yêu cầu người dùng trong điều kiện bình thường: Thời gian tải giao diện <15s, thời gian xuất báo cáo <2 phút.
- Đáp ứng truy cập ≥ 500 người dùng cùng thời điểm.

4.6.2 Tính tương thích

Hệ thống phải đảm bảo các yêu cầu về khả năng tương thích và tích hợp hiệu quả với các hệ thống ứng dụng phần mềm hoặc hệ thống khác.

4.6.3 Tính khả dụng

Hệ thống phải đáp ứng các yêu cầu sau về tính khả dụng:

- Hệ thống phải đảm bảo tính thuận tiện cho người sử dụng cuối.
- Đảm bảo khả năng truy cập, khai thác sử dụng một cách nhanh chóng, dễ dàng cho các đối tượng người sử dụng phần mềm.

4.6.4 Tính tin cậy

Các phần mềm phải đáp ứng những tiêu chí về độ tin cậy trong quá trình triển khai sử dụng chính thức như sau:

- Đáp ứng khả năng hoạt động hiệu quả, an toàn, tin cậy theo nhu cầu sử dụng.
- Đảm bảo khả năng chịu lỗi khi xuất hiện các sự cố trên phần mềm, CSDL, cho phép phần mềm phục hồi dữ liệu trực tiếp bị ảnh hưởng và tái thiết lập trạng

thái hoạt động bình thường của phần mềm do bị ảnh hưởng bởi các sự kiện, sự gián đoạn/lỗi nào đó trong thời gian tối thiểu 04 giờ.

4.6.5 Tính duy trì và khả năng cải tiến, nâng cấp

Phần mềm phải đáp ứng những tiêu chí về khả năng hoạt động và khả năng cải tiến, nâng cấp sau khi đưa vào sử dụng chính thức theo yêu cầu người dùng như sau:

- Đáp ứng được lượng người dùng như hiện tại và lượng người dùng được dữ liệu trong tương lai;
- Đáp ứng khả năng cập nhật, nâng cấp cải tiến về chức năng, dịch vụ, quy trình xử lý, thông tin dữ liệu... về chiều rộng phạm vi áp dụng lẫn chiều sâu về kỹ thuật nghiệp vụ theo yêu cầu người dùng;
- Đáp ứng khả năng mở rộng, nâng cấp hệ thống hạ tầng theo nhu cầu chức năng, dịch vụ cung cấp hoặc nhằm tăng hiệu năng hoạt động của hệ thống bằng cách tăng cường cấu hình phần cứng các thiết bị máy chủ, hệ thống phân tải, hệ thống lưu trữ, sao lưu... một cách dễ dàng mà không phá vỡ cấu trúc thiết kế cài đặt hoạt động hệ thống.

5. Một số yêu cầu cụ thể về môi trường cài đặt, triển khai phần mềm

5.1 Yêu cầu môi trường cài đặt

- Phần mềm được cài đặt đồng bộ và chạy trên nền tảng điện toán đám mây, hạ tầng hệ thống đáp ứng đạt tiêu chuẩn lưu trữ dữ liệu quốc tế Uptime Tier III design hoặc tương đương.
- Phần mềm hoạt động thông qua môi trường Internet.

5.2 Yêu cầu về lưu trữ cơ sở dữ liệu

- Nền tảng lưu trữ dữ liệu điện toán đám mây của nhà thầu phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại văn bản số 1145/BTTTT/CATTT ngày 03/04/2020 của Bộ Thông tin và truyền thông và văn bản số 2612/BTTTT-CATTT ngày 17/7/2021 của Bộ Thông tin và truyền thông (yêu cầu xác nhận còn hiệu lực).

- Nền tảng lưu trữ dữ liệu điện toán đám mây của nhà thầu phải được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin theo cấp độ theo quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ và Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/08/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- CSDL phải có chế độ thiết lập chế độ sao lưu dữ liệu định kỳ, đột xuất (người quản trị có thể thiết lập chế độ sao lưu dữ liệu theo ngày, giờ).

- Có phương án sao lưu dữ liệu, bảo đảm khôi phục dữ liệu trong trường hợp cần thiết;

5.3 Yêu cầu về an toàn bảo mật

- Phần mềm khi triển khai phải đảm bảo tính an toàn và nguyên vẹn cho thông tin, ngăn ngừa khả năng bị đánh cắp dữ liệu hay bị phá hoại. Sử dụng các cơ chế xác thực đăng nhập, phân quyền người sử dụng, cũng như các thiết bị như tường lửa và các thiết bị khác để đảm bảo an toàn cho hệ thống.

- Hệ thống mã hóa các dữ liệu quan trọng như password, thông tin tài khoản... được mã hóa và phân quyền truy cập chặt chẽ.

6. Yêu cầu về dịch vụ bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật phần mềm

- Hỗ trợ từ xa: Phần mềm được hỗ trợ 24/7, các yêu cầu hỗ trợ được phản hồi tối đa trong 30 phút làm việc.

- Phối hợp hỗ trợ số liệu Bảo hiểm y tế hàng tháng.

- Hỗ trợ trực tiếp tại đơn vị: Thời gian cán bộ hỗ trợ có mặt tại đơn vị chậm nhất là 30 phút trong giờ làm việc, 01 giờ với trường hợp ngoài giờ làm việc.

- Thời gian bảo hành hệ thống: 12 tháng.

7. Yêu cầu triển khai và chuyển đổi dữ liệu

Nội dung và thời gian triển khai: Nhà thầu có giải pháp khả thi và cam kết chuyển đúng, chuyển đủ toàn bộ dữ liệu và kết nối tất cả các máy xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh từ hệ thống cũ đang vận hành sang hệ thống mới trong vòng 03 ngày mà không làm gián đoạn hoạt động khám chữa bệnh của đơn vị. Chủ đầu tư chỉ chấp nhận cho nhà thầu bắt đầu kiểm thử, đào tạo khi đã xác nhận hoàn thành nội dung trên. Nếu sau 03 ngày nhà thầu không thực hiện thành công việc chuyển dữ liệu gây ảnh hưởng đến thanh toán, xuất toán BHYT, nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc vi phạm hợp đồng.

PHỤ LỤC 02: MẪU BÁO GIÁ BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Phổi tỉnh Quảng Trị.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cung cấp dịch vụ như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ: Thuê Phần mềm quản lý bệnh viện (HIS) của

Bệnh viện Phổi tỉnh Quảng Trị.

| TT | Danh mục dịch vụ | Quy mô | Đvt | Số lượng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|------------------|---|---|-------|----------|---------------|------------------|
| 1 | Phần mềm Hệ thống thông tin bệnh viện – HIS | 75 giường kế hoạch - 81 thực kê | tháng | 12 | | |
| 2 | Phần mềm Hệ thống quản lý xét nghiệm – LIS | 04 máy | tháng | 12 | | |
| 3 | Phần mềm Hệ thống quản lý chẩn đoán hình ảnh - RIS/PACS | 700 đến 1.100 ca chụp/tháng | tháng | 12 | | |
| 4 | Phần mềm bệnh án điện tử - EMR | 400 hồ sơ, 150 bệnh án (bao gồm bệnh án nội trú và bệnh án ngoại trú) | tháng | 12 | | |
| 5 | Ứng dụng di động dành cho Bác sĩ, Bệnh nhân | 15 bác sĩ, 4.000 bệnh nhân | tháng | 12 | | |
| Tổng cộng | | | | | | |

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2026.

3. Đáp ứng các yêu cầu khác:

- Phải kết nối được với các máy xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng (hiện có).

- Phải kế thừa được dữ liệu từ hệ thống cũ sang hệ thống mới.

- Phải kết nối chữ ký số SmartCA, hóa đơn điện tử, thanh toán không tiền mặt với ngân hàng, tích hợp Kiosk.

- Đã triển khai ≥ 1 hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện ở bệnh viện đa khoa được công bố bệnh án điện tử trên website <https://benhandientu.moh.gov.vn/> của Bộ Y tế.

- Thực hiện cấu hình hệ thống, hướng dẫn sử dụng, chạy thử, bảo hành.

- Giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí cài đặt, hướng dẫn sử dụng, chi phí trọn gói để thực hiện tại Bệnh viện phổi tỉnh Quảng Trị, bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

